

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: 33/2021/ST-HNGĐ
Ngày: 21/5/2021
V/v Ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Vui
2. Bà Ngô Thị Thùy T

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Bá Anh Hùng là thư ký Tòa án nhân dân huyện L Ninh

- Đại diện viện kiểm nhân dân huyện L Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Như Mai T - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 66/2021/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 51, Ấp Hiệp Thành, xã L Hiệp, huyện L Ninh, tỉnh Bình Phước

2. Bị đơn: Ông Danh L, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 51, Ấp Hiệp Thành, xã L Hiệp, huyện L Ninh, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Bà T tự nguyện chung sống với ông Danh L và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L Hiệp, huyện L Ninh vào ngày 18/7/2006. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống không còn hạnh phúc. Nay nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên bà T xin được ly hôn với ông Danh L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) người con chung tên Danh Thị Thu Ngân,

sinh ngày 18/5/2000. Danh Thị Thu Trâm, sinh ngày 01/6/2005. Hiện nay hai người con đang sống chung với vợ chồng. Khi ly hôn người con có nguyện vọng ở với ai người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ: Không có

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2021, bị đơn ông Danh L trình bày:

Ông L thống nhất với bà T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản, nay ông không đồng ý ly hôn. Trong trường hợp ly hôn thì ông có nguyện vọng nuôi người con tên Trâm, cấp dưỡng không đặt ra.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L Ninh tham gia phiên Tòa:

Về việc chấp hành tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục tố tụng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân huyện L Ninh không có kiến nghị về tố tụng.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Danh L
- Về con chung: Giao người con chung tên Danh Thị Thu Trâm, sinh ngày 01/6/2005 cho ông L nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.
- Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.
- Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện L Ninh giải quyết ly hôn với ông Danh L. Bà T và ông L có hộ khẩu thường trú và làm ăn sinh sống tại ấp Hiệp Thành, xã L Hiệp, huyện L Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L Ninh, được quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt, tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L, bà T theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Bà T tự nguyện chung sống với ông L và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L Hiệp, huyện L Ninh, tỉnh Bình Phước vào ngày 18/7/2006.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, thì ông L, bà T được UBND xã L Hiệp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 135, quyển số 12 vào ngày 18/7/2006 là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông L, bà T có yêu cầu xin vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được, về phía bà T xác định không còn tình cảm với ông L nên yêu cầu được ly hôn. Theo đơn khởi kiện của bà T cho rằng vợ chồng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống không còn hạnh phúc nên bà T xin được ly hôn với ông L.

Ông L trình bày: Vợ chồng có mâu thuẫn, thường cãi nhau, nhưng ông vẫn còn thương vợ, nên không đồng ý ly hôn.

Như vậy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông L đã trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà T được ly hôn với ông L.

[3] Về con chung: Xét thấy người con tên Trâm có nguyện vọng ở với ông Danh L, nên cần giao cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng, ông L không yêu cầu cấp dưỡng, nên không đặt ra

[4] Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và

Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T

Về quan hệ hôn nhân: Cho Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Danh L.

Về con chung:

Giao người con chung tên Danh Thị Thu Trâm sinh ngày 01/6/2005 cho ông Danh L tiếp tục nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đặt ra

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2/ Về án phí: Buộc bà T phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L Ninh theo biên lai thu tiền số 019604 ngày 23 tháng 3 năm 2021.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện L Ninh
- Các đương sự.
- THA DS huyện L Ninh
- Lưu hồ sơ
- UBND xã L Hiệp

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoài Nam